KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP VÀ RÚT RA MỘT SỐ BÀI HỌC CHO TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

Lê Văn Hà
Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững

Tóm tắt: *Trách nhiệm xã của doanh nghiệp được xem như một công cụ chính sách quan trọng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh. Ở góc độ doanh nghiệp, việc thực hiện TNXH sẽ đem đến cho doanh nghiệp nhiều lợi ích như tạo dựng hình ảnh, tăng cường mối quan hệ khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn, cuối cùng thúc đẩy hiệu quả kinh doanh,… Tuy nhiên, việc áp dụng và thực thi TNXH có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia và giữa các doanh nghiệp. Trong bối cảnh Việt Nam, khái niệm trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp du lịch nói riêng đã du nhập vào khá sớm. Nhưng, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ. Bài viết này tập trung nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm một số quốc gia đã thành công trong thực hiện TNXH của doanh nghiệp (EU, New Zealand, Thái Lan), từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.*
Từ khoá: *Doanh nghiệp vừa và nhỏ; kinh nghiệm; trách nhiệm xã hội.*

Nhận bài ngày 20.9.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.11.2025
Liên hệ tác giả: Lê Văn Hà; email: levanhakhxh@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trách nhiệm xã hội (TNXH) của doanh nghiệp là trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với những tác động từ hoạt động kinh doanh lên môi trường và xã hội. Để thực hiện TNXH, doanh nghiệp xem xét, tích hợp khía cạnh xã hội và môi trường vào những hoạt động kinh doanh cốt lõi và đưa ra các chương trình, hoạt động đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương. Trong bối cảnh phát triển bền vững, TNXH của doanh nghiệp không chỉ là nhu cầu của doanh nghiệp mà còn là công cụ chính sách quan trọng để đạt mục tiêu phát triển bền vững (EC, 2011).

Nhiều nghiên cứu đã cứu chỉ ra, các doanh nghiệp có nhiều lợi ích trong việc chấp nhận tiếp cận TNXH của doanh nghiệp và áp dụng nó trong hoạt động kinh doanh. Một trong số các lợi ích rõ ràng nhất là nâng cao uy tín, vị thế và hình ảnh của doanh nghiệp; tăng cường mối quan hệ với người lao động, qua đó củng cố lòng trung thành và giữ chân người lao động; nâng cao hiệu suất và hiệu quả hoạt động (Lund-Durlacher và Dagmar, 2015; Tigu và cộng sự, 2016). Trong bối cảnh quốc tế, nhiều quốc gia đã chấp nhận và triển khai thực hiện tốt TNXH ở các doanh nghiệp như Liên minh châu Âu, New Zealand, Nhật Bản… nhờ có cách tiếp cận TNXH phù hợp.

Trong bối cảnh Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, mặc dù TNXH và thực hiện TNXH được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Song việc chấp nhận và thực hiện TNXH của các doanh nghiệp du lịch chưa đồng đều. Việc thực hiện TNXH chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp lớn, trong khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa ít chú ý đến vấn đề

này. Bài viết này tập trung nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới đã thành công trong thực hiện TNXH của doanh nghiệp như EU, New Zealand, Thái Lan, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Kinh nghiệm Liên minh châu Âu (EU)

Liên minh châu Âu cung cấp những bài học kinh nghiệp phong phù về quá trình thực thi TNXH xã hội của các doanh nghiệp. Bắt đầu từ những năm đầu của thập kỷ 90, thế kỷ 20, Liên minh châu Âu (EU) đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện TNXH của doanh nghiệp, xem nó như một bộ phận cấu thành chiến lược phát triển bền vững, với mục tiêu cải thiện trách nhiệm giải trình của doanh đối với các các cơ quan quản lý nhà nước và người dân. Theo nhận thức này, EU đã thúc đẩy thực hiện TNXH của doanh nghiệp ở EU như một nhân tố quan trọng đóng góp vào thực hiện chiến lược của EU – phát triển bền vững thông qua tăng trưởng thông minh, bền vững và bao trùm.

Năm 2001, trong công bố với tiêu đề "Thúc đẩy khung TNXH của doanh nghiệp EU"[1], Ủy ban châu Âu đã đưa ra định nghĩa về TNXH của doanh nghiệp: "TNXH là khái niệm nhờ đó các công ty tích hợp mối quan tâm môi trường và xã hội trong các hoạt động kinh doanh của họ và trong tương tác với các bên liên quan khác trên cơ sở tự nguyên". Định nghĩa này đã chỉ rõ rằng việc thực hiện TNXH của doanh nghiệp là tự nguyện và cách quan niệm này đã ảnh hưởng lên chính sách về TNXH của EU trong giai đoạn này. Một số chính sách thúc đẩy TNXH được đưa ra như:

1) Xây dựng diễn đàn nhiều bên về TNXH vào năm 2002. Diễn đàn nhằm cung cấp môi trường hội thoại giữa các bên liên quan ở EU về phát triển TNXH của doanh nghiệp và phát triển chính chính sách iên quan tới TNXH của doanh nghiệp. Diễn đàn đã tập hợp các tổ chức đại diện cho người lao động, mạng lưới doanh nghiệp, các nghiệp đoàn, các tổ chức phi chính phủ tham gia trao đổi các thực hành tốt về TNXH, thúc đẩy đổi mới, minh bạch hoá;

2) Khuyến khích các doanh nghiệp thông báo cho cộng đồng về các tác động môi trường và xã hội trong các báo báo hằng năm – báo cáo phi tài chính;

3) Thành lập Liên minh châu Âu về TNXH, tập trung vào 8 lĩnh vực ưu tiên mới để thúc đẩy TNXH giữa các doanh nghiệp: tăng cường nhận thức và trao đổi thực hành tốt nhất; hỗ trợ các sáng kiến nhiều bên; hợp tác với các quốc gia thành viên; cung cấp thông tin và minh bạch hoá thông tin cho người tiêu dùng; nghiên cứu; giáo dục; hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; chiều cạnh quốc tế của TNXH.

Các hành động hỗ trợ thực hiện TNXH của doanh nghiệp gồm: 1) Hỗ trợ đào tạo và đào tạo lại, đảm bảo các nhà quản lý có các kỹ năng và năng lực cần thiết để phát triển và thúc đẩy thực hiện TNXH; 2) Phổ biến và trao đổi thông tin, đặc biệt trong mối quan hệ với thực hành TNXH tốt, xây dựng tiêu chuẩn, đánh giá và giám sát, kiểm toán và báo cáo; 3) Phân tích và nghiên cứu chính sách xã hội; 4) Phân tích vai trò của khung khổ pháp lý. Giai đoạn đầu, tập trung vào nâng cao nhận thức và thúc đẩy tranh luận về các cách thức mới thúc đẩy TNXH của doanh nghiệp.

Năm 2011, trên cơ sở nhận thức mới về TNXH của doanh nghiệp, EU đã xây dựng chiến lược giai đoạn 2011-2014 về TNXH của doanh nghiệp. TNXH của doanh nghiệp được mô tả chi tiết hơn: Để đáp ứng đầy đủ TNXH, các doanh nên tích hợp các mối quan tâm xã hội, môi trường, đạo đức, nhân quyền và tiêu dùng. Trong chiến lược mới, Ủy ban châu Âu đã chuẩn hoá cách hiểu trước đây về khái niệm TNXH của doanh nghiệp như loại

[1] EC (2001). Promoting a European framework for Corporate Social Responsibility, Brussels, 18.7.2001.

bỏ thành phần tự nguyện và ưu tiên cho trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với các tác động của họ lên xã hội (Yıldız, Ozerim, 2014)[2].

Một số thành phần chính trong chiến lược TNXH giai đoạn 2011 – 2014 của EU gồm: 1) Phát triển TNXH của doanh nghiệp nên được dẫn dắt bởi chính các doanh nghiệp; 2) Các cơ quan nhà nước nên đóng vai trò hỗ trợ thông qua sự phối hợp các biện pháp chính sách mang tính tự nguyện, và bổ sung quy định (Ví dụ như thúc đẩy minh bạch hoá, xây dựng các sáng kiến mang tính thị trường đối với hành vi kinh doanh có trách nhiệm và đảm bảo trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp); 3) Các doanh nghiệp được cung cấp môi trường linh hoạt để đổi mới và phát triển các cách tiếp cận TNXH phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

Có thể thấy rằng, động cơ chính đằng sau chiến lược TNXH giai đoạn 2011 - 2014 của EU là niềm tin về thực hiện TNXH của doanh nghiệp sẽ tốt cho các doanh nghiệp và nền kinh tế EU. Các nhà lãnh đoo của Ủy ban châu Âu cũng nhìn nhận TNXH như một loại tài sản đối với xã hội và nền kinh tế của EU.

Điểm mới trong chính sách TNXH giai đoạn 2011 – 2014 của EU là chuyển từ thực hiện TNXH tự nguyên sang yêu cầu "bắt buộc" các doanh nghiệp phải thực hiện báo cáo trách nhiệm về môi trường và xã hội. Tuy nhiên, yêu cầu này chỉ giới hạn đối với công ty có quy mô trên 1000 lao động phải xây dựng báo cáo về các tác động xã hội và môi trường hằng năm. Theo đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa không bắt buộc phải thực thi báo cáo thực hiện TNXH hằng năm.

Tuy nhiên, EU đã có nhiều chính sách hỗ trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, và doanh nghiệp nhỏ và trong lĩnh vực du lịch nói riêng như chính sách hỗ trợ chuyển dịch sang mô hình du lịch số và du lịch bền vững thông qua chương trình, dự án. Ví dụ chương trình COSME, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nâng cao khả năng cạnh tranh và bền vững hơn. Dự án EU DigiTour, Cosme nhằm giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ chấp nhận các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật. Các hỗ trợ gồm đào tạo kỹ năng số. Chương trình này cũng hỗ trợ các sáng kiến chứng nhận sinh thái, làm cho các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ có thể thu hút phân khúc khách du lịch thân thiện môi trường, trong khi duy trì lợi thế cạnh tranh.

Ngoài ra, EU còn có các chương trình như quỹ xã hội châu Âu và chương trình Erasmus dành cho doanh nhân trẻ, cung cấp đào tạo và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chương trình này tập trung vào cập nhật kỹ năng cho người lao động trong các công nghệ số và thực hành bền vững. Một vài nghiên cứu trường hợp đã chỉ ra sự chuyển đổi thành công của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sang mô hình kinh doanh bền vững. trong trường hợp Italia, các công ty du lịch nông nghiệp đã sử dụng hiệu quả quỹ của EU để chấp nhận các giải pháp năng lượng xanh như tấm pin mặt trời giảm đáng kể dấu chân môi trường trong khi thúc đẩy du lịch sinh thái. Những thay đổi này đã cải thiện cả sự bền vững và khả năng cạnh tranh.

Năm 2020, chiến lược mới của EU về TNXH giai đoạn 2020 – 2030 được củng cổ, trong đó tích hợp TNXH vào chương trình nghị sự rộng hơn như thoả thuận xanh và trụ cột về quyền xã hội. Chiến lược này bao gồm tăng cường phần thưởng mang tính thị trường cho các doanh nghiệp thực hiện tốt TNXH, cải thiện khả năng hiệu thị các thông lệ quốc tế trong TNXH, nâng cao các quá trình tự điều chỉnh và cùng điều chỉnh, theo dõi và giám sát tính bền vững của doanh nghiệp thông qua các công cụ (báo cáo bền vững doanh nghiệp). EU cho rằng cách tiếp cận này nhằm làm cho các công ty bền vững và khả năng chống chịu

[2] Yıldız, A., Ozerim, G. (2014) "Corporate Social Responsibility in European Context". in Turker, D., Toker, H., Altuntaş, C. (Ed.). Contemporary Issues in Corporate Social Responsibility. Lexington Books, USA pp.43-55.